

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 572/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/12/2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Xuân Thảo

Ông Hà Nguyễn Minh Nam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0941/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Minh N;

Địa chỉ: 115/7 Trần Kế Xương, Phường 7, Quận PN, Thành phố H (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hồ N;

Địa chỉ: 115/7 Trần Kế Xương, Phường 7, Quận PN, Thành phố H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Bà Đoàn Thị Minh N (nguyên đơn) trình bày:

+ Về quan hệ vợ chồng: Bà Đoàn Thị Minh N và Ông Huỳnh Hồ N kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 07, Quận PN, Tp. H. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không hạnh phúc đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay và nhận thấy hạnh phúc không còn nên bà Minh Nhật có nguyện vọng được ly hôn.

+ Về con chung: Một con chung tên Huỳnh Nhật U, sinh 10/12/1994

(đã trưởng thành)

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Bị đơn Ông Huỳnh Hồ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]Về hôn nhân : Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 13/4/1993 của UBND phường 07, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh). Theo lời trình bày của bà N thì vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính cách, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài cho đến nay, đồng thời Tòa đã mời các bên tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được vì bị đơn không đến. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà N có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Về con chung tên Huỳnh Nhật U, sinh 10/12/1994

(đã trưởng thành)

[4]Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[5]Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, thì bà N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Minh N ly hôn với Ông Huỳnh Hồ N.

2. Về con chung: Huỳnh Nhật U, sinh 10/12/1994

(đã trưởng thành)

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), Bà Đoàn Thị Minh N có trách nhiệm thi hành, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019500 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Bà Đoàn Thị Minh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS Q.QPN;
- UBND Phường 7, Q.PN;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Trâm